



GIẤY GỌI VỐN KIỂM PHƯƠNG ÁN KINH DOANH
(Dành cho khách hàng doanh nghiệp)

Kính gửi: Công ty Cổ phần công nghệ tài chính VN FITE (VN FITE)

Chúng tôi đề nghị được gọi vốn với các nội dung cụ thể như sau:

A. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG		
Tên khách hàng	Cty Cổ Phần HANPO VINA	
Địa chỉ theo ĐKKD	Lô CN07-6 Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	
Địa chỉ thực tế	Lô CN07-6 Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	
Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận số 2300971006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23 tháng 02 năm 2023	
Ngành nghề SXKD chính (Là ngành nghề chiếm từ 10% doanh thu trở lên)	Là ngành nghề: SXKD có điều kiện: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	
Số năm hoạt động trong ngành SXKD chính	08 (năm)	
Người đại diện theo pháp luật	Họ tên: Tô Ngọc Phương	Chức danh: Giám đốc
CMND/HC/CCCD	038072036701	Ngày cấp: 10/07/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
Nhân sự		
Số lao động hiện có hợp đồng chính thức	60 (người) – cụ thể số người ở các bộ phận (kế toán, kho,...)	
Số lao động thời vụ/bán thời gian	55 (người)	
Số lượng cán bộ kỹ sư-kỹ thuật/	12 (người)	
Số lao động có trình độ tay nghề cao (Hợp đồng lao động ít nhất 1 năm)	(Áp dụng đối với DN xây lắp BĐS và DN sản xuất công nghiệp) 18	
Cơ sở vật chất		
Đối với DN thương mại/dịch vụ	Mạng lưới đại lý và hệ thống phân phối	<input type="checkbox"/> Chỉ tập trung ở nơi ĐKKD <input type="checkbox"/> Có tại 2-5 tỉnh thành (liệt kê) <input type="checkbox"/> Có tại 6-10 tỉnh thành (liệt kê) <input type="checkbox"/> Ở trên 10 tỉnh thành nêu 1 vài cơ sở lớn
	Hoạt động của DN diễn ra với	<input type="checkbox"/> Chỉ các đối tác nội địa <input type="checkbox"/> Đối tác để xuất khẩu <input type="checkbox"/> Đối tác để nhập khẩu
Đối với DN sản xuất	Phương tiện máy móc do doanh nghiệp sở hữu	<input checked="" type="checkbox"/> Ô tô tải: số lượng 02 <input type="checkbox"/> Máy/bồn trộn: số lượng <input type="checkbox"/> Máy xúc đào: số lượng <input type="checkbox"/> Máy gia công cơ khí (hàn, cắt, sơn, gò...):

		<input type="checkbox"/> Máy K/cắt bê tông: số lượng <input type="checkbox"/> Máy khác (mô tả cụ thể): số lượng <i>30line</i>
Hoạt động SXKD: Mô tả ngắn gọn		

B. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VÀ ĐỀ NGHỊ GỌI VỐN

I. Gọi vốn hạn mức tín dụng ngắn hạn

Phương án kinh doanh (kỳ kế hoạch)		Đề xuất	
Doanh thu (triệu đồng)	170,000	Tổng nhu cầu vốn (triệu đồng)	1,000
Giá vốn hàng bán (triệu đồng)	140,000	Vốn tự có và vốn vay khác (triệu đồng)	200,000
Số ngày phải thu bình quân (ngày)	75	Hạn mức gọi vốn tại VNFITE (triệu đồng)	1,000
Số ngày tồn kho bình quân (ngày)	35	Thời hạn gọi vốn (tháng)	05
Số ngày phải trả bình quân (ngày)	22	Thời hạn mỗi khoản gọi vốn (tháng)	05

II. Gọi vốn theo món ngắn hạn

Phương án kinh doanh		Hiệu quả phương án kinh doanh	
Đầu vào		Đề xuất	
Tên người bán dự kiến		Doanh thu dự kiến	...
Số HĐ		Tổng chi phí, trong đó:	
Ngày ký	...	Chi phí bán hàng	
Loại hàng hóa	...	Chi phí quản lý KD	
Thời điểm nhập hàng	...	Lãi gọi vốn phải trả	
Phương thức thanh toán	...	Chi phí khác	...
		Giá vốn hàng bán	...
		Lợi nhuận dự kiến:	...
Đầu ra		Đề xuất	
Tên người mua dự kiến		Tổng nhu cầu vốn	1,000
Số Hợp đồng (nếu có)		Vốn tự có và vốn vay khác	...
Ngày ký	...	Số tiền gọi vốn	500
Thời gian tiêu thụ hết hàng hóa	...	Mục đích gọi vốn	Bổ
Phương thức thanh toán	...	sung bốn lưu động	
		Thời hạn gọi vốn	05
		tháng	
		Phương thức giải ngân	<input type="checkbox"/> Chuyển khoản <input type="checkbox"/> Tiền mặt <input type="checkbox"/> khác ...

C. TÀI SẢN BẢO ĐẢM

Loại TSBD	Hình thức sở hữu	Chủ tài sản	Tình trạng	Giá trị định giá/ước tính (triệu đồng)
<input type="checkbox"/> Đất <input type="checkbox"/> Nhà ở/chung cư <input type="checkbox"/> Khác	<input type="checkbox"/> Ô tô <input type="checkbox"/> Cổ phần	<input type="checkbox"/> Chính chủ <input type="checkbox"/> Bên thứ 3	Tô Ngọc Phương <input type="checkbox"/> Đang thế chấp <input type="checkbox"/> Chưa thế chấp <input type="checkbox"/> Đã giải tỏa TSBD	...

Mô tả tài sản:				...
Tổng				...

Tôi/Chúng tôi cam kết:

1. Tất cả các thông tin trong Giấy gọi vốn này và tất cả các giấy tờ mà Chúng tôi cung cấp cho VNFITE là đầy đủ, chính xác, hợp pháp và đúng thực sự và Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin sai lệch nào.
2. Tuân thủ đúng các quy định khác của VNFITE liên quan đến khoản gọi vốn của chúng tôi.
3. Bên gọi cam kết dùng mọi nguồn thu nhập để thanh toán cho mọi nghĩa vụ phát sinh với Bên cho vay/Nhà đầu tư.

...Hà Nội... ngày 14... tháng 1... năm 2025

ĐẠI DIỆN BÊN GỌI VỐN

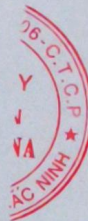
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



(Handwritten signature in blue ink)

GIÁM ĐỐC

Cô Ngọc Phương



TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH KHÁCH HÀNG¹

(Tờ Trình Cấp gọi vốn ngắn hạn đối với DN vừa và nhỏ)

MỤC 1: ĐỀ XUẤT

Đơn vị trình		Ngày lập:	___/___/___
Mã CN/PGD	001	Tờ trình số:	___ . ___ . ___

Phần 1. THÔNG TIN TÓM TẮT

Tên Khách hàng	Cty Cổ Phần HANPO VINA	Mã số KH:	
GCN ĐKKD/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập	Số: 2300971006 Ngày cấp lần đầu: 04/01/2017	Nơi cấp: Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bắc Ninh	Ngày/lần 23/02/2023 thay đổi lần thứ 1
Địa chỉ trụ sở chính	Lô CN07-6 Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
Địa điểm kinh doanh			
Hoạt động chính	Sản xuất sản phẩm từ plastic	Tỷ trọng DT	100%
Vốn điều lệ theo ĐKKD	50.000.000.000 đồng		
Vốn góp tại thời điểm trình	50.000.000.000 đồng		
Người đại diện theo pháp luật	Tô Ngọc Phương		
Người đại diện vay vốn			
<i>Lưu ý đặc biệt (nếu có):</i> Đánh giá về chủ doanh nghiệp, các cổ đông,..... nên có hình ảnh về chủ doanh nghiệp			
Thời gian quan hệ với VNFITE	Khách hàng mới	Xếp hạng KH: ²	A
Quan hệ gọi vốn:	<input checked="" type="checkbox"/> Khách hàng mới ³ <input type="checkbox"/> khách hàng hiện hữu ⁴		

¹ ĐVKD tham khảo thực hiện theo thẩm định theo Quyết định số _____ ngày _____ về việc hướng dẫn thẩm định cho vay ngắn hạn KHDN tại VNFITE

² Theo xếp hạng gọi vốn nội bộ của VNFITE

³ Là khách hàng có nhu cầu gọi vốn lần đầu với VNFITE tại thời điểm gọi vốn; hoặc khách hàng đã được cấp hạn mức gọi vốn tại VNFITE nhưng hạn mức gọi vốn được cấp đã hết hạn trên 6 tháng tính đến thời điểm gọi vốn.

⁴ Là khách hàng có hạn mức gọi vốn tại VNFITE (bao gồm trường hợp có dư nợ hoặc không có dư nợ) tại thời điểm gọi vốn hoặc khách hàng có hạn mức gọi vốn tại VNFITE nhưng hạn mức gọi vốn được cấp đã hết hạn chưa quá 6 tháng tính đến thời điểm gọi vốn.

Thông tin gọi vốn tại VNFITE ⁵					Đơn vị tính: Triệu đồng
Mã sản phẩm gọi vốn					
Loại gọi vốn	Gọi vốn hiện tại		Gọi vốn đề xuất		Thời hạn của khoản đề xuất
	Mức đã cấp	Số dư hiện tại	Mức đề xuất	Đề xuất mới	
Gọi vốn hạn mức					
- HM gọi vốn	0	0	2.000	0	12 tháng
Gọi vốn từng lần					
- Gọi vốn	0	0	0	0	
Tổng rủi ro gọi vốn					
Thông tin quan hệ vay/gọi vốn tại các TCTD					
Thông tin CIC					
Tiêu chí	Tổng cộng	HM vay vốn	Vay ngắn hạn	Vay TDH	LC, bảo lãnh
Nhận xét của CIC	Không có lịch sử nợ xấu 05 năm gần nhất, không có lịch sử nợ cần chú ý trong 12 tháng gần nhất.				
Tại VNFITE					
Tiêu chí	Tổng cộng	HM vay vốn	Vay ngắn hạn	Vay TDH	LC, bảo lãnh
Gọi vốn đã cấp	0	0	0	0	
Số dư hiện tại	0	0	0	0	
Tại các TCTD khác					
Tiêu chí	Tổng cộng	HM vay vốn	Vay ngắn hạn	Vay TDH	LC, bảo lãnh
Vietin bank	2.656	0	2.656	0	0
VPBank – CN Thăng Long	5.728	0	5.728	0	0
MBBank – CN Thăng Long	6.499	0	6.499	0	0

⁵ Những thông tin nào không có ĐVKD có thể lược bỏ

TPBank	218	0	0	218	0
Chailease - CN Hà Nội	573	0	573	0	0
SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội	2.117	0	2.117	0	0
ABBank – CN Hà Nội	96.390	0	50.000	46.390	0

Đánh giá lịch sử giao dịch tại VNFITE thời gian qua⁶

Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Nêu lý do trong trường hợp chưa tuân thủ
Quá trình trả nợ gốc, lãi	<input type="checkbox"/> Đầy đủ, đúng hạn	KH mới
	<input type="checkbox"/> Chưa đúng hạn	
Hợp tác với VNFITE trong việc điều chỉnh lãi suất/phí	<input type="checkbox"/> Hợp tác	KH mới
	<input type="checkbox"/> Chưa hợp tác	
Tuân thủ điều kiện phê duyệt về khoản cấp gọi vốn đã cấp ⁷	<input type="checkbox"/> Tuân thủ	KH mới
	<input type="checkbox"/> Chưa tuân thủ	
Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn	<input type="checkbox"/> Đúng mục đích	KH mới
	<input type="checkbox"/> Không đúng mục đích	
Bổ sung các chứng từ theo yêu cầu của VNFITE	<input type="checkbox"/> Tuân thủ	KH mới
	<input type="checkbox"/> Chưa tuân thủ	

Thông tin giao dịch đầu tư tại VNFITE

Sản phẩm/dịch vụ đã sử dụng tại VNFITE	Số lần giao dịch/số lượng hợp đồng đầu tư	Doanh số
Số dư đầu tư Holding	-	0
Số dư đầu tư P2P	-	0

Phần 2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ
2.1. Tổng rủi ro gọi vốn đề xuất: (ghi rõ số tiền đề xuất)

Trong đó:	Mức rủi ro tối đa		Số tiền đề xuất lần này		Thời hạn đề xuất
	Triệu đồng	USD	Triệu đồng	USD	

⁶ Trường hợp khách hàng chưa từng quan hệ gọi vốn tại VNFITE, ĐVKD có thể lược bỏ nội dung này
⁷ Trường hợp khách hàng có nhiều điều kiện, cam kết, ĐVKD nêu và đánh giá từng cam kết, điều kiện

▪ HM gọi vốn	1.000	0	1.000	0	12 tháng
▪ Gọi vốn ngắn hạn	0	0	0	0	

2.2. Hạn mức gọi vốn/ gọi vốn món đề xuất mới lần này:

▪ Số tiền đề xuất	1.000.000.000 đồng	Phương thức cấp	Hạn mức
▪ Mục đích gọi vốn	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh		
▪ Thời hạn hạn mức	Hạn mức tín dụng	Thời hạn mỗi lần nhận nợ:	
▪ Lợi suất gọi vốn	Theo quy định VNFINITE từng thời kỳ		
▪ Phương thức trả nợ	Trả lợi tức: hàng tháng	Trả gốc: cuối kỳ	
▪ Phương thức giải ngân	Chuyển khoản		

Phần 3. ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG KINH

1.1 Thông tin sản phẩm/dịch vụ:

- Cơ cấu sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp:

Stt	Tên SP/dòng SP	Thời điểm bắt đầu SXKD	Tỷ trọng/DT (%)	Trong đó: Xuất khẩu (%)
				0%

1.2 Thông tin về năng lực sản xuất và cơ sở vật chất kỹ thuật

- Nhà xưởng, kho bãi:

Stt	Mô tả tên/loại	Diện tích/số lượng	Tình trạng sở hữu	Địa điểm/Mô tả hiện trạng
➤ Nhận xét: - Hình ảnh -				

- Máy móc thiết bị/dây chuyền sản xuất chính và phương tiện vận tải (có hình ảnh)

Stt	Mô tả tên/loại MMTB	Số lượng	Giá trị ước tính	Mục đích sử dụng
1		1		Phục vụ hoạt động kinh doanh
2		1		Phục vụ hoạt động kinh doanh

1.3 Thị trường đầu vào/Nhà cung cấp

(ĐVKD liệt kê những khách hàng lớn, thường xuyên, lâu năm hoặc hợp đồng giá trị lớn)

Stt	Tên nhà cung cấp	Thời gian quan hệ	Nguyên vật	Chính sách mua hàng, phương thức/thời hạn

			liệu chính	thanh toán
Danh sách trong nước/nước ngoài				

1.4 Thị trường đầu ra, mạng lưới phân phối của Khách hàng:
(ĐVKD liệt kê những khách hàng lớn, thường xuyên, lâu năm)

Stt	Tên khách hàng	Thời gian quan hệ	Sản phẩm tiêu thụ chính	Phương thức thanh toán chính
Danh sách trong nước/nước ngoài				
1	Công ty J-Tech Vina	31/12/2022	Gia công kính mũ bảo hiểm	chuyển khoản
2	Công ty DSM Việt Nam	15/07/2018		chuyển khoản
3	Công ty Tenma Việt Nam	05/05/2023	Gia công nhựa cho máy in, máy phát	chuyển khoản

1.5 Đánh giá về hoạt động kinh doanh của khách hàng

Stt	Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá
1.	Chiến lược phát triển sản phẩm và dịch vụ của công ty trong thời gian tới.	<input checked="" type="checkbox"/> Khả thi, có kế hoạch rõ ràng <input type="checkbox"/> Nhiều triển vọng nhưng không có kế hoạch rõ ràng. <input type="checkbox"/> Không có chiến lược phát triển hoặc chỉ mang tính chất duy trì. <input type="checkbox"/> Khác (nêu rõ)
2.	Cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty	<input checked="" type="checkbox"/> Có tính tự chủ cao, ít phụ thuộc <input type="checkbox"/> Tự chủ được những phương tiện sản xuất, kinh doanh chính (máy móc, kho hàng...), còn lại là thuê <input type="checkbox"/> Hoàn toàn thuê <input type="checkbox"/> Khác (nêu rõ)
3.	Máy móc thiết bị và phương tiện sản xuất (trường hợp doanh nghiệp sản xuất)	<input checked="" type="checkbox"/> Hiện đại, đồng bộ, đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn của ngành <input type="checkbox"/> Công nghệ, máy móc cũ nhưng vẫn khai thác tốt. <input type="checkbox"/> Máy móc thiết bị xuống cấp nhưng chưa có kế hoạch đầu tư mới <input type="checkbox"/> Khác (nêu rõ): Công ty thương mại thuần túy, không có máy móc thiết bị sản xuất

Stt	Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá
4.	Mức độ đa dạng các yếu tố đầu vào của công ty	<input checked="" type="checkbox"/> Các yếu tố đầu vào đa dạng, mức độ phụ thuộc vào 1 nhà cung cấp thấp <input type="checkbox"/> Hơn 50% đầu vào của công ty phụ thuộc vào 1 nhà cung cấp, phần còn lại được phân bổ đều. <input type="checkbox"/> Công ty phụ thuộc hơn 70% vào 1 nhà cung cấp. <input type="checkbox"/> Khác (nêu rõ)
5.	Thời gian quan hệ và uy tín của các yếu tố đầu vào	<input type="checkbox"/> Hơn 50% các nhà cung cấp đã quan hệ với công ty hơn 2 năm, quan hệ uy tín <input type="checkbox"/> Từ 30% các nhà cung cấp quan hệ với công ty trên 2 năm, phần còn lại thường xuyên thay đổi. <input checked="" type="checkbox"/> Các nhà cung cấp thường xuyên thay đổi. <input type="checkbox"/> Khác (nêu rõ)
6.	Mức độ đa dạng các yếu tố đầu ra	<input checked="" type="checkbox"/> Hệ thống phân phối, khách hàng đầu ra đa dạng, mức độ phụ thuộc vào 1 khách hàng (nhóm khách hàng) thấp. <input type="checkbox"/> Không quá 50% doanh thu phụ thuộc vào một (nhóm) khách hàng <input type="checkbox"/> Trên 70% doanh thu phụ thuộc vào một (nhóm) khách hàng. <input type="checkbox"/> Khác (nêu rõ)

Các lưu ý khác về khách hàng (nếu có):

Phần 4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Nguồn số liệu phân tích:

Tiêu chí	Năm 2022	Năm 2023	Thời điểm 23/04/2024
Loại báo cáo tài chính	<input checked="" type="checkbox"/> Báo cáo hợp nhất	<input checked="" type="checkbox"/> Báo cáo hợp nhất	<input checked="" type="checkbox"/> Báo cáo hợp nhất
	<input type="checkbox"/> Báo cáo riêng lẻ	<input type="checkbox"/> Báo cáo riêng lẻ	<input type="checkbox"/> Báo cáo riêng lẻ
Bản chất số liệu tài chính	<input checked="" type="checkbox"/> BC kiểm toán	<input checked="" type="checkbox"/> BC kiểm toán	<input type="checkbox"/> BC kiểm toán
	<input type="checkbox"/> BC nộp thuế	<input type="checkbox"/> BC nộp thuế	<input checked="" type="checkbox"/> BC điều hành

TỔNG QUAN TÀI CHÍNH

Stt	Khoản mục	Số liệu và đánh giá sơ bộ
1	Tổng tài sản	Tổng tài sản của Công ty tăng đều qua các năm, bình quân khoảng 25%, trong đó: - Tài sản dài hạn/TSS bình quân: 64% - Tài sản ngắn hạn/TSS bình quân: 35% - Khoản phải thu/TSS bình quân: 18%

		- Hàng tồn kho/TSS bình quân: 8%
2	Tổng nguồn vốn	Tổng nguồn vốn của Công ty tăng đều qua các năm, trong đó: - Nợ phải trả/tổng nguồn vốn bình quân: 71%
3	Doanh thu thuần	Công ty hoạt động trong lĩnh vực gia công hàng hóa, thiết bị. Theo bảng chi tiết doanh thu thuần năm 2023 đạt 170 tỷ tăng gần 42% so với năm 2022. Dự kiến năm 2024, doanh thu của công ty đạt tăng trưởng như năm trước
4	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu năm 2023 tăng so với năm 2022 tuy nhiên lợi nhuận giảm nhiều so với năm 2022 do giá vốn hàng bán tăng bất thường.
5	Các hạng mục khác	Các chỉ số tài chính của công ty ở mức tốt, đảm bảo khả năng thanh toán, công ty không bị mất cân đối tài chính.

Nhận xét/Đánh giá về tình hình tài chính của khách hàng:

- Tình hình tài chính của khách hàng đơn giản đúng bản chất của công ty sản xuất.
- Các khoản phải thu tập trung vào một số khách hàng, các khoản phải thu chủ yếu dưới 50 triệu đồng. Khách hàng không có khoản phải thu khó đòi.
- Công ty không có nợ chậm trả mất khả năng thanh toán.
- Nợ ngắn hạn: Công ty có nợ ngắn hạn khoảng 61 tỷ đồng
- Công ty kinh doanh có lãi, các chỉ số tài chính ổn định, không bị mất cân đối tài chính.

Phần 5. KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA KHÁCH HÀNG
- Dự kiến hiệu quả kinh tế dự tính của phương án :

STT	Khoản mục	Giá trị
1	Doanh thu bán hàng dự kiến	241.222.215.109
2	Giá vốn bán hàng dự kiến	207.451.104.994
3	Chi phí quản lý, chi phí bán hàng dự kiến	9.984.397.285
4	Lợi nhuận gộp	33.771.110.115
5	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	13.252.627.028
6	Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.252.627.028
7	Lãi ròng	12.557.688.532

Nhận xét

- Khả năng thực hiện phương án SXKD: có cơ sở theo hợp đồng đầu vào và đầu ra Công ty cung cấp.
- Tính khả thi của phương án SXKD: Khả thi Không khả thi

- Hiệu quả của phương án SXKD: Hiệu quả Không hiệu quả
- Mục đích vay vốn theo quy định của pháp luật: Phù hợp Không phù hợp. Lý do?
- Kế hoạch và khả năng trả nợ của khách hàng?
- Nhận xét khác (nếu có):

Phần 8. ĐÁNH GIÁ TÍNH TUÂN THỦ, THỐNG NHẤT VÀ HỢP PHÁP CỦA BỘ HỒ SƠ

TT	Các quy định pháp luật	Đánh giá	Ghi chú
1.	Tính đầy đủ của bộ hồ sơ	<input checked="" type="checkbox"/> Đầy đủ	
		<input type="checkbox"/> Chưa đầy đủ	
2.	Tất cả các hồ sơ đều thống nhất về chữ ký người đại diện và con dấu hợp pháp	<input checked="" type="checkbox"/> Thống nhất	
		<input type="checkbox"/> Chưa thống nhất	
3.	Người đại diện theo pháp luật đúng theo loại hình doanh nghiệp và điều lệ	<input checked="" type="checkbox"/> Chấp hành	
		<input type="checkbox"/> Chưa chấp hành	
4.	Người đại diện theo ủy quyền có đầy đủ và đúng giấy ủy quyền/phạm vi ủy quyền/thời hạn ủy quyền	<input checked="" type="checkbox"/> Chấp hành	
		<input type="checkbox"/> Chưa chấp hành	
5.	Doanh nghiệp hoạt động theo đúng giấy phép và điều kiện ngành nghề	<input checked="" type="checkbox"/> Chấp hành	
		<input type="checkbox"/> Chưa chấp hành	

Phần 6. ĐỀ XUẤT CỦA CHUYÊN VIÊN/NHÂN VIÊN QHKH

Kính trình lãnh đạo xem xét và quyết định đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho Công ty theo nội dung sau:

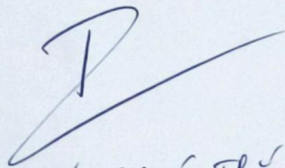
Hạn mức cho vay	Số tiền : 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ : hai tỷ đồng)
Mục đích sử dụng vốn vay	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh
Thời gian sử dụng hạn mức	12 tháng tính từ ngày ký HĐ tư vấn gọi vốn
Thời gian cho gọi tối đa từng lần thuộc hạn mức	06 tháng/01KUNN
Lợi suất phải trả	Theo quy định hiện hành của VNFINITE
Phí thẩm định	
Phương thức trả nợ	Gốc : Cuối kỳ
	Lợi suất : Hàng tháng

	Phí: Đầu kỳ
Phương thức giải ngân	Chuyển khoản Nhiều lần
Tài sản đảm bảo	Tín chấp
Điều kiện rút tiền vay	Hoàn thiện thủ tục theo quy định của VNFITE
Các điều kiện thực hiện kèm theo :	Tuân thủ quy định của VNFITE từng thời kỳ.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...4

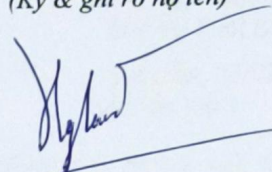
QUAN HỆ KHÁCH HÀNG

(Ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Chiên Thắng

Cấp thẩm định/kiểm soát

(Ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Lưu